

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

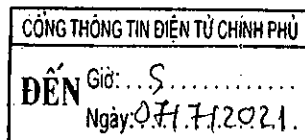
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2021/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Trà Vinh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 46/TTr-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2021. /.

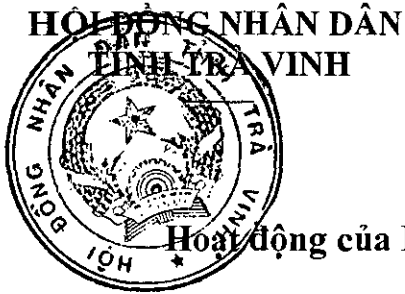
**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước - Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X,  
nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND  
ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

## **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định chi tiết hoạt động của Hội đồng nhân dân (được viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh Trà Vinh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

### **Điều 2.**

1. Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia các hoạt động của HĐND tỉnh có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện Quy chế này.

## **Chương II** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN CỦA HĐND, TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH**

### **Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, khoản 32 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. HĐND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 4 Điều 45, khoản 3 Điều 52, khoản 2 Điều 59, khoản 3 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước, khoản 2

Điều 4 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh.

### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND tỉnh**

1. Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, Điều 109, Điều 110 và Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban của HĐND tỉnh:

a) Trưởng ban của HĐND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Dự kiến danh sách Ủy viên của Ban trình Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn; trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc cho thôi làm Ủy viên Ban của HĐND tỉnh.

b) Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng ban.

c) Ủy viên Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND tỉnh**

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và được giám sát theo thẩm quyền. Ngoài ra, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn đề đại biểu HĐND tỉnh trong Tổ thực hiện chương trình, nội dung kỳ họp và các quy định khác về kỳ họp HĐND hoặc do Chủ tọa phân công; tham gia thảo luận tại kỳ họp, tổ chức và điều hành các hoạt động của Tổ tại kỳ họp; theo dõi và báo cáo danh sách các đại biểu trong Tổ có mặt, vắng mặt ở từng phiên họp cho Thư ký kỳ họp; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

b) Tổ phó Tổ đại biểu giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng và khi Tổ trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng.

## **Điều 7. Trách nhiệm và quyền của đại biểu HĐND tỉnh**

Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại khoản 8 Điều 83, các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 27 và 31 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN CỦA HĐND, TỔ ĐẠI BIỂU HĐND, ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH**

### **Mục 1**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH**

### **Điều 8. Kỳ họp HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh họp thường lệ mỗi năm ít nhất hai kỳ. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh do HĐND tỉnh quyết định vào kỳ họp cuối cùng của năm trước theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh. Họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

2. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; dự kiến chương trình kỳ họp HĐND được gửi đại biểu HĐND cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

3. Việc tổ chức kỳ họp HĐND tỉnh được thực hiện theo Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh Trà Vinh, nhiệm kỳ 2021 - 2026 do HĐND tỉnh khóa X ban hành.

### **Điều 9. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát của HĐND tỉnh theo trình tự sau đây:

Thường trực HĐND tỉnh dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) tỉnh và cử tri ở trong tỉnh gửi kiến nghị, đề nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tổng hợp kiến nghị, đề nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình giám sát.

### 3. HĐND tỉnh xem xét các báo cáo:

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### 4. Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh

a) Đại biểu HĐND tỉnh có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND), Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh chất vấn.

b) Phiên họp chất vấn được tiến hành theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Mỗi lần chất vấn, đại biểu HĐND tỉnh nêu chất vấn không quá 5 phút. Người trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 10 phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn hoặc yêu cầu người có trách nhiệm liên quan trả lời, làm rõ nội dung chất vấn.

d) Chủ tọa kỳ họp có quyền nhắc trong trường hợp đại biểu HĐND tỉnh nêu chất vấn không đúng nội dung phiên chất vấn hoặc quá thời gian quy định, người trả lời chất vấn không đúng trọng tâm nội dung chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh hoặc quá thời gian quy định.

5. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, HĐND các huyện, thị xã, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp; luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### 6. Giám sát chuyên đề của HĐND

Căn cứ chương trình giám sát, HĐND tỉnh ra Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Trình tự giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

HĐND tỉnh ra Nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung Nghị quyết giám sát chuyên đề theo quy định khoản 4 Điều 16 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu theo quy định tại Điều 63 và 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## **Mục 2**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**

#### **Điều 10. Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh**

Thường trực HĐND tỉnh hoạt động theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh Trà Vinh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và văn bản khác có liên quan.

#### **Điều 11. Phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh**

Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn.

#### **Điều 12. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; quyết định chương trình giám sát hàng năm theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Xem xét quyết định của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND các huyện, thị xã, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu thành viên của UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm.

b) Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

### 5. Giám sát chuyên đề

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 70 và 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

6. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo: thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### 7. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

a) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

b) UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

c) Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo Nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

### **Điều 13. Tiếp công dân**

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; xây dựng kế hoạch và công bố lịch tiếp công dân hàng tháng của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Ủy viên của Thường trực HĐND, đại biểu HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Mục 3**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HĐND TỈNH**

### **Điều 14. Hoạt động giám sát, thẩm tra của Ban HĐND tỉnh**

1. Có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát

theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thực hiện việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm a, b và c khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thực hiện giám sát chuyên đề và xem xét, báo cáo của Đoàn giám sát theo quy định tại Điều 80 và 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### **Điều 15. Hoạt động khảo sát**

Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công.

## **Mục 4**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH**

#### **Điều 16. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh**

1. Phối hợp Thường trực HĐND cấp huyện tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri theo thông báo của Thường trực HĐND tỉnh. Căn cứ kế hoạch tiếp xúc cử tri xác định thành phần, đối tượng để tiếp xúc, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về UBNDTQVN tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh; tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh; đại biểu, Tổ đại biểu có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện các ý kiến kiến nghị của cử tri.

2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 83, khoản 2 và 3 Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14.

#### **Điều 17. Hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh**

1. Có trách nhiệm tham dự kỳ họp HĐND tỉnh; tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 93 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc

trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và Nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 94 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, khoản 27 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện quyền giám sát và chất vấn theo quy định tại khoản 1 Điều 83, Điều 84 và 85, khoản 1 và 4 Điều 86 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH**

**Điều 18. Trách nhiệm của UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. UBND tỉnh báo cáo HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND tỉnh ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND tỉnh; chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND tỉnh chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp HĐND tỉnh; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết, mời Ban của HĐND tỉnh tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp

thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình và phải được chủ thể giám sát đồng ý. Chỉ đạo khắc phục các hạn chế theo kết luận giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

HĐND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm gửi nghị quyết mà mình đã ban hành đến Thường trực HĐND tỉnh và Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký và chậm nhất là 03 ngày đối với nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật.

7. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo công tác trước HĐND tỉnh theo luật định.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của HĐND tỉnh kể từ khi nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND tỉnh.

## **Chương V**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HĐND TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 19. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy**

1. HĐND tỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với hoạt động của HĐND tỉnh; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về hoạt động của HĐND tỉnh, về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND tỉnh.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội; các nội dung liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ.

## **Điều 20. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Trà Vinh**

Các đại biểu Quốc hội được bầu trên địa bàn tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh cử đại biểu HĐND tỉnh tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Trà Vinh khi được mời.

HĐND tỉnh phối hợp với Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Trà Vinh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

## **Điều 21. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh**

1. UBND tỉnh mời Thường trực HĐND tỉnh tham dự phiên họp của UBND tỉnh; cử người tham gia vào các hoạt động của HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

2. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh cử người tham dự kỳ họp HĐND tỉnh, tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của ngành để trao đổi thông tin, tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

## **Điều 22. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh**

1. Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được mời tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh. UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND tỉnh tham dự một số hoạt động để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. HĐND tỉnh thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND tỉnh tới UBMTTQVN tỉnh.

3. HĐND tỉnh tạo điều kiện để UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm

quyền giải quyết; theo dõi, định kỳ thông báo đến cử tri những vấn đề mà cử tri quan tâm. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa HĐND và UBND tỉnh.

HĐND tỉnh có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của UBND tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **Điều 23. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với HĐND cấp huyện**

Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban của HĐND cấp huyện; trường hợp cần thiết, hướng dẫn hoạt động của HĐND cấp huyện để bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND, Ban của HĐND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

## **Chương VI**

### **ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH**

#### **Điều 24. Chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh**

Đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách, xét khen thưởng theo pháp luật quy định và theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

#### **Điều 25. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh**

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh được bố trí từ ngân sách nhà nước.
2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.
3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất, thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật đối với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới cần phải điều chỉnh cho phù hợp, giao Ban Kinh tế - Ngân sách trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

